

Bản án số: 128/2025/DS-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đông

Bà Nguyễn Thị Nữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 450/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2025/QĐXXST-DS ngày 28/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Quang L, sinh ngày 20/10/1972; Địa chỉ thường trú: 125, đường số H N, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 134, đường L, phường H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện hợp pháp: Ông Từ Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ: B, Phường T, T, Bình Dương (phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2025) có mặt

2. Bị đơn: Ông Trương Mậu H, sinh năm 1967 và bà Phạm Ánh H1, sinh năm 1970. Cùng thường trú tại địa chỉ: Số C đường D, khu I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bà Phạm Ánh H1: Ông Hồ Thanh H2, sinh năm 1969; địa chỉ: số A đường A, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2025) có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thu H3, sinh năm 1975; địa chỉ: số A, đường số H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Xuất phát từ quan hệ làm ăn và kinh doanh từ ngày 10/12/2019 ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 có vay của ông Hoàng Quang L số tiền là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng). Tiếp theo đó, vợ chồng ông H bà H1 do khó khăn trong quá trình kinh doanh nên tiếp tục vay ông Hoàng Quang L số tiền là 344.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và còn nhiều lần khác.

Ngày 31/12/2021 ông H và bà H1 liên hệ thỏa thuận với ông Hoàng Quang L để lập giấy xác nhận nợ với tổng số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngay sau đó ông Hoàng Quang L và ông H đã tiến hành ký kết giấy xác nhận nợ thống nhất đến ngày 31/12/2022 thì ông H và bà H1 sẽ hoàn trả lại số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngày 31/12/2022 ông Hoàng Quang L liên hệ với ông H và bà H1 đề nghị trả lại số tiền mà ông H và bà H1 đã vay của ông Hoàng Quang L thì ông H hẹn thêm thời gian để xoay tiền và sẽ hoàn trả lại cho ông Hoàng Quang L ngay khi có đủ tiền. Tuy nhiên, cho đến nay sau nhiều lần hứa hẹn ông H và bà H1 vẫn chưa trả cho ông Hoàng Quang L bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù ông Hoàng Quang L đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, cũng như đến trực tiếp đến nhà yêu cầu vợ chồng ông H và bà H1 trả tiền.

Nhận thấy, hành vi không trả tiền vay đối với số tiền 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) như đã cam kết nêu trên của ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 là xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Quang L.

Nay ông Hoàng Quang L làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 phải liên đới hoàn trả cho ông Hoàng Quang L số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và lãi chậm trả tạm tính từ 31/12/2022 đến ngày 28/08/2025 là: $5.189.400.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 1.378.304.000$ (Một tỷ ba trăm ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng. Tổng số tiền ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 phải liên đới trả cho ông Hoàng Quang L là 6.567.704.000 (Sáu tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

*** Bị đơn ông Trương Mậu H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2025 như sau:** Nguyên đơn ông Hoàng Quang L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 liên đới trả cho ông Hoàng Quang L tổng số tiền là 6.313.424.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) Trong đó nợ gốc 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 28/02/2025 là 1.124.024.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi bốn triệu hai mươi bốn nghìn đồng). Ông Trương Mậu H cam kết trong hạn 10 ngày kể từ ngày làm việc kể từ ngày 18/8/2025 cung cấp chứng cứ cho Tòa án và nếu không cung cấp chứng cứ thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thu H3 thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có ý kiến gì khác và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quang L đối với bị đơn ông Trương Mậu H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Không chấp nhận bị đơn bà Phạm Ánh H1 liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021 được lập giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hoàng Quang L tổng số tiền gốc theo giấy xác nhận nợ 31/12/2021 số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và lãi chậm trả tạm tính từ 31/12/2022 đến ngày 28/08/2025 là: 5.189.400.000 đồng x 0.83%/tháng x 32 tháng = 1.378.304.000 (Một tỷ ba trăm ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng. Tổng số tiền ông Trương Mậu H và bà Phạm Ánh H1 phải liên đới trả cho ông Hoàng Quang L là 6.567.704.000 (Sáu tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

[2.1] Về hợp đồng vay: Xét thấy ngày 31/12/2021 ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H xác lập theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021 để xác lập công nợ với tổng số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và theo giấy xác nhận nợ các thống nhất đến ngày 31/12/2022 thì cho ông Hoàng Quang L sẽ hoàn trả lại số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) cho ông Hoàng Quang L, quá trình tố tụng ông Trương Mậu H xác nhận có ký kết theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021 để xác lập công nợ với tổng số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) do đó đây là tình tiết sự kiện mà nguyên đơn không cần phải chứng minh. Quá trình tố tụng nguyên đơn không cung

cấp chứng cứ nào khác để chứng minh bà Phạm Ánh H1 phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021 được lập giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H. Người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Phạm Ánh H1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Ánh H1 liên đới trả số tiền theo giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2021 giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H, bà Phạm Ánh H1 không ký kết bất cứ giấy tờ nào với ông Hoàng Quang L, do đó không có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021.

[2.2] Về số tiền vay: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trương Mậu H hoàn trả cho ông Hoàng Quang L số tiền là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Trương Mậu H xác nhận có ký kết theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021 để xác lập công nợ, tuy nhiên là nợ của pháp nhân Công ty do ông Trương Mậu H và ông Hoàng Quang L đều có Công ty riêng. Quá trình tố tụng bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xét không xem xét. Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trương Mậu H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[2.3] Về lãi suất chậm thanh toán: Xét thấy theo giấy xác nhận đơn nợ ngày 31/12/2021 được lập giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H thể hiện bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 5.189.400.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) vào ngày 21/12/2022, tuy nhiên đến thời điểm thanh toán nợ ông Trương Mậu H không thanh toán tiền nợ trên cho ông L. Nay ông Hoàng Quang L khởi kiện yêu cầu cho ông Trương Mậu H trả lại số tiền gốc và tiền lãi theo giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2021 giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H tổng số tiền là 6.567.704.000 (Sáu tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng) Trong đó nợ gốc: 5.189.400.000 đồng và lãi chậm trả từ 31/12/2022 đến ngày 28/08/2025 là $0.83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 1.378.304.000$ (Một tỷ ba trăm ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quang L buộc bị đơn ông Trương Mậu H có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Quang L tổng số tiền gốc và lãi đã vay theo giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2021 giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Quang L đối với yêu cầu bà Phạm Ánh H1 liên đới trả số tiền theo giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2021 giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trương Mậu H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quang L đối với bị đơn ông Trương Mậu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc bị đơn ông Trương Mậu H có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Quang L tổng số tiền gốc và lãi là 6.567.704.000 (Sáu tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng) Trong đó nợ gốc: 5.189.400.000 đồng và lãi chậm trả từ 31/12/2022 đến ngày 28/08/2025 là 0.83%/tháng x 32 tháng = 1.378.304.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng)

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Quang L đối với yêu cầu bà Phạm Ánh H1 liên đới trả số tiền theo giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2021 giữa ông Hoàng Quang L và ông Trương Mậu H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trương Mậu H nộp số tiền 114.567.704 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng) án phí sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Hoàng Quang L số tiền 57.156.712 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số 0001877 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong